TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2018
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoa**
Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Đỗ Trọng Ngoan**
2/ Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Mỹ Duyên -** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mai H, sinh năm 1992.

+ Địa chỉ: Khóm Đ, thành phố Đ, tỉnh An Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Thành C, sinh năm 1989.

+ Địa chỉ: Xã K, Thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai, ý kiến hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Mai H, trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã K vào ngày 30/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống do anh C thường uống rượu, không quan tâm đến gia đình, nên ngày 18/7/2011 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở Châu Đốc sinh sống cho đến nay.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn anh C.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 06/12/2010. Chị H yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng vì chị có khả năng và điều kiện để lo cho con có cuộc sống đầy đủ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Theo bản tự khai cùng các lời khai, ý kiến hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Thành C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, thời gian vợ chồng sống hạnh phúc và thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn như chị H trình bày thì anh không đồng ý vì cho rằng, sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình chồng tại xã K, Thành phố L. Quá trình chung sống giữa chị dâu và em chồng xảy ra mâu thuẫn, nên chị H tự ý về nhà cha mẹ ruột sống. Thời gian đó anh có đến gia đình vợ động viên và xin rước vợ con về để vợ chồng hàn gắn, nhưng gia đình vợ lớn tiếng xích mích với anh và không tạo điều kiện cho anh thăm nom, chăm sóc con từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý, vì tình cảm dành cho vợ vẫn còn, mâu thuẫn có thể hàn gắn chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Anh yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 06/12/2010. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có thường xuyên đến thăm con thì vợ và gia đình vợ ngăn cản, không tạo điều kiện cho anh gặp mặt con.

Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đúng theo quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mai H được ly hôn anh Võ Thành C.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Võ Thành N, sinh ngày 06/12/2010 cho chị H nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú trên địa bàn Thành phố L, nên Tòa án nhân dân Thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, Thành phố L vào ngày 30/9/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo chị H trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, anh C thường uống rượu, thiếu quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do tình cảm dành cho anh C không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn.

Anh C thống nhất lời trình bày của chị H về hôn nhân, thời gian sống hạnh phúc cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, với mâu thuẫn như chị H trình bày thì anh không đồng ý, anh cho rằng trong gia đình anh là người chồng, người cha có trách nhiệm, chí thú làm ăn để lo cho gia đình và yêu thương vợ con. Khi xảy ra mâu thuẫn chị H tự ý về nhà cha mẹ vợ sống, không tạo cơ hội để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không tạo cơ hội cho anh được thăm nom, chăm sóc con. Do tình cảm anh dành cho vợ vẫn còn, mâu thuẫn không trầm trọng chưa đến mức ly hôn, nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy và lo tương lai cho con.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban xã K, ngày 08/12/2017 thể hiện: Địa phương nhận thấy quá trình anh chị chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, do sự khác biệt về quan điểm sống về kinh tế. Dù đã được cha mẹ hai bên hàn gắn tình cảm, nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nên khoảng giữa năm 2011 thì chị H cùng con về nhà cha mẹ của chị H sinh sống cho đến nay.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên chị H vì con tạo cơ hội để vợ chồng được đoàn tụ, nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm chị dành cho anh C không còn, mâu thuẫn vợ chồng cũng như giữa hai gia đình đã gay gắt không thể hàn gắn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn
nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1, Điều 51 và khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mai H được ly hôn anh Võ Thành C, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 06/12/2010. Cả chị H và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, thời gian anh chị sống ly thân từ năm 2011 đến nay con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Nguyên cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống của cháu Nguyên khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng, chị H trình bày nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì chị có khả năng.

Tại phiên tòa anh C trình bày, nếu chấp nhận cho chị H được nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung trưởng thành. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử.

Xét thấy, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng anh C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Chị H phải tạo điều kiện cho anh C đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có.

[7] **Về án phí:** Chị Võ Thị Mai H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào**

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mai H được ly hôn anh Võ Thành C.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 06/12/2010.

Chị H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 17/01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Chị H phải tạo điều kiện cho anh C đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có.

* **Về án phí:** Chị Võ Thị Mai H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018652, ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi gởi*:**
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa